

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 01-3-2021.

V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé.

Ông Trần Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 01 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 331/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2020, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1987, địa chỉ: Số nhà 333/45, hẻm 333, khu phố H, thị trấn T, huyện Ch, tỉnh Long An. (có mặt)

Bị đơn: Ông Phan Minh H, sinh năm 1989, địa chỉ: Số nhà 56/1, Ấp 1, xã V, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Lê Thị Thanh T là nguyên đơn trình bày trong đơn khởi kiện, trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Bà T và ông H kết hôn và sống chung vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Công, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Bà T và ông H chung sống hạnh phúc được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T và ông H không có con, bị gia đình chồng nhắc nhở nhiều lần, gây áp lực, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Bà T và ông H không còn sống chung với nhau từ tháng 9 năm 2018 đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên bà T quyết định ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T và ông H không có con chung.

Về tài sản chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Phan Minh H đã được Toà án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Thị Thanh T và ông Phan Minh H kết hôn với nhau vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Công, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Nay bà Lê Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với ông Phan Minh H, căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết.

[2] Ông Phan Minh H vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với ông Phan Minh H.

[3] Bà Lê Thị Thanh T và ông Phan Minh H chung sống hạnh phúc được hơn 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T và ông H không có con, bị gia đình chồng nhắc nhở nhiều lần, gây áp lực, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Các đương sự không hòa giải được mâu thuẫn làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà T và ông H không còn sống chung với nhau từ tháng 9 năm 2018 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, đời sống chung của các đương sự không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thanh T, cho bà Lê Thị Thanh T ly hôn với ông Phan Minh H.

[4] Về con chung: Bà Lê Thị Thanh T và ông Phan Minh H không có con chung.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị Thanh T và ông Phan Minh H không yêu cầu giải quyết tài sản chung, không có nợ chung.

[6] Bà Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, ông Phan Minh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Thanh T, cho bà Lê Thị Thanh T ly hôn với ông Phan Minh H.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn. Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Thanh T đã nộp theo biên lai thu số 0000792, ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An. Ông Phan Minh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Lê Thị Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Phan Minh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án DS huyện Châu Thành;
- UBND xã Vĩnh Công;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tùng